

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/01/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P1+RC3+SAVR	7:25	3+0+14	0+0+0		0+5+14	0+0+0	ec225
2		BK21+TTC2+TTC1	7:25	6+6+9	0+0+0		4+7+11	0+0+0	
3		C10+CTK3	7:25	17+2	0+0		14+7	0+0	
4		TD1+BK19+TTC3	7:25	17+0+4	0+0+0		10+7+5	0+0+0	
5		P6	9:25	19	0		19	0	ec225
6		P8	9:25	22	0		22	0	
7		TTC2+P8	9:25	2+19	0+0		0+22	0+0	chuyen 3 ttc2-p8
8		P9+P5+TD1	9:25	10+0+5	0+0+0		0+3+19	0+0+0	chuyen 2 p5-td1
9		BK8+BK4+P6	11:25	4+5+10	0+0+0		0+12+10	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/01/2025	TO: P1 - RC3 - SAVR	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:50
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TRƯỜNG - CHIẾN	ETA: 09:40
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ QUANG BÌNH	P1	22	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO HUU HUY TU	P1	20	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG HIEN	P1	21	1	5			51	KH-THAC	Vietnamese
4	VU TUAN ANH	SAVR	58-59	2	14			66	DMC-MI	Vietnamese
5	HOANG VAN THU	SAVR	66	1	8			69	AMNGR	Vietnamese
6	TONG VAN DAT	SAVR	69	1	7			64	AMNGR	Vietnamese
7	PHAM VAN AN	SAVR	75-76	2	12			67	AMNGR	Vietnamese
8	NGUYEN VAN SY	SAVR	70-71	2	9			54	AMNGR	Vietnamese
9	TRAN MANH HUNG	SAVR	63	1	12			69	AMNGR	Vietnamese
10	TRAN NGUYEN DAN	SAVR	79	1	9			54	AMNGR	Vietnamese
11	VU VAN DONG	SAVR	72	1	13			62	AMNGR	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TUNG	SAVR	60	1	14			72	AMNGR	Vietnamese
13	PHAN NGOC HUNG	SAVR	61-62	2	9			65	AMNGR	Vietnamese
14	TRAN VU HOAI THONG	SAVR	73-74	2	18			80	AMNGR	Vietnamese
15	EREMEEV EVGENY	SAVR	67	1	11			97	KHOAN	Russian
16	NGUYEN VIET TRUNG	SAVR	68	1	15			80	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN HOANG ANH DUNG	SAVR	64-65	2	18	1	30	71	PV DRILLIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P1	3	200	3	13	0	0	0		
2	RC3	0	0	0	0	2	35	5		
3	SAVR	14	970	20	169	1	30	14		
TOTAL		17	1.170	23	182	3	65	19		
WEIGHT KG			1.170		182		65			

GRAND TOAL: 1.417 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/01/2025	TO: BK21 - TTC2 - TTC1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - HIÊU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN MANH TRUONG	BK21	73	1	11	1	15	78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH HUY	BK21	70	1	16			83	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN HONG GIANG	BK21	67	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG ĐÌNH TUÂN	BK21	71	1	16			75	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYEN THANH TUNG	BK21	72	1	9	2	21	75	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYEN QUOC VIET	BK21	68-69	2	13			61	PSV	Vietnamese
7	LAZAREV A.	TTC2	12	1	6	2	35	83	KH-THAC	Russian
8	ĐÀO TIẾN ĐẠT	TTC2						79	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN BÁC	TTC2	11	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
10	PHÙNG MINH HIẾU	TTC2	09	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ TRƯỜNG KIẾN	TTC2	13-14	2	19			97	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ TIẾN QUY	TTC2	10	1	4			75	PSV	Vietnamese
13	DƯƠNG ĐỨC HIẾU	TTC1	08	1	10	2	35	67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN CUONG	TTC1	09	1	6			50	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ ĐẠI THÀNH	TTC1	06	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN ĐỨC BÌNH	TTC1	01-02	2	10			67	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN KHUÔNG	TTC1	07	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN HUY THAI	TTC1	03-04	2	12			79	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	TTC1	10-11	2	20			78	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN HUNG	TTC1	05	1	6			75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK21	6	444	7	72	3	36	4		
2	TTC2	6	476	6	40	2	35	7		
3	TTC1	8	549	11	75	2	35	11		
TOTAL		20	1.469	24	187	7	106	22		
WEIGHT KG			1.469		187		106			

GRAND TOAL: 1.762 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/01/2025	TO: CLO - CTK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: VTHANG - N.CUONG - NNAM	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LUONG NGOC KHUONG	CLO	24-25	2	7			77	KHOAN	Vietnamese
2	PHAM MINH HOANG	CLO	30	1	11			96	KHOAN	Vietnamese
3	LE VIET HUNG	CLO	23	1	11			64	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN DOAN SUU	CLO	22	1	6			63	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM DINH THU	CLO	34-35	2	12			71	KHOAN	Vietnamese
6	BUI VIET BAC	CLO	31	1	7			79	KHOAN	Vietnamese
7	LE MINH HIEP	CLO	28	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN CONG BANG	CLO	27	1	9			81	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG VAN QUYEN	CLO	16-17	2	15			67	YTE	Vietnamese
10	LE HUY TUYEN	CLO	29	1	9			56	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN DANG KHOA	CLO	15	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TRUONG SON	CLO	18-19	2	11			63	KHOAN	Vietnamese
13	TO ANH TUAN	CLO	20-21	2	15	1	15	74	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HUNG	CLO	26	1	7			80	KHOAN	Vietnamese
15	VUONG KIEN QUOC	CLO	32	1	10			80	DVL	Vietnamese
16	LUU BA XO	CLO	33	1	10			84	DVL	Vietnamese
17	BUI DUC TRUNG	CLO	13-14	2	15			63	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN QUOC QUAN	CTK3	58	1	5			78	CODIEN	Vietnamese
19	BUI DUC HAU	CTK3	59	1	9	3	28	60	CODIEN	Vietnamese
20	PHAM HUU TUNG	CTK3	63	1	2			75	SANBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	17	1.246	23	169	1	15	14		
2	CTK3	3	213	3	16	3	28	8		
TOTAL		20	1.459	26	185	4	43	22		
WEIGHT KG			1.459		185		43			

GRAND TOAL: 1.687 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/01/2025	TO: TD1 - BK19 - TTC3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: ĐỨC - HỮC - HTNAM	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TIẾN DŨNG	TD1	48	1	5	3	50	71	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN NGỌC THAI	TD1	49,44-45	3	18			84	KHOAN	Vietnamese
3	ĐOÀN TUẤN TỬ	TD1	84	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ ĐÌNH PHONG	TD1	26	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THIÊN TUÂN	TD1	80	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
6	LẠI ĐỨC LÂM	TD1	50	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN PHU	TD1	86	1	3			86	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN HOANG SƠN	TD1	88	1	4			85	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG HUY	TD1	87	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ CHI CÔNG	TD1	24,46	2	13			92	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ TUÂN ANH	TD1	25	1	4			67	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN PHI HÙNG	TD1	81	1	8			86	KHOAN	Vietnamese
13	ĐỖ QUANG LỘC	TD1	85	1	6			65	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ QUY VINH	TD1	83	1	6			77	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ VIỆT THANH	TD1	82	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
16	PHAN QUANG HOÀNG	TD1	47	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
17	LƯU TIẾN THANH	TD1	23	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
18	CHU ĐỨC HÙNG	TTC3	02	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
19	MAI TIẾN THANH	TTC3	03	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ TUÂN MẠNH	TTC3	100	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH TRƯỞNG	TTC3	01	1	6			71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	17	1.281	20	110	3	50	10		
2	BK19	0	0	0	0	0	0	7		
3	TTC3	4	285	4	26	0	0	5		
TOTAL		21	1.566	24	136	3	50	22		
WEIGHT KG			1.566		136		50			

GRAND TOAL: 1.752 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/01/2025	TO: P6	AIRCRAFT: 622	ETD: 10:03
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TRƯỜNG - ĐTRUNG	ETA: 12:00
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CHERNIAVSKY D.S.	P6	56	1	11			114	KH-THAC	Russian
2	PIATOV S. V.	P6	52	1	12			100	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN VAN DUY ANH	P6	61	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
4	VU VAN HOAN	P6	65	1	4	1	10	75	KH-THAC	Vietnamese
5	VU DINH HOAN	P6	53	1	7	2	19	79	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐAO MẠNH HUY	P6	51	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HUU ĐỨC	P6	54	1	10	1	14	77	T-TIN	Vietnamese
8	LE XUAN QUY	P6	50	1	3			76	YTE	Vietnamese
9	DU TRAN HUNG	P6	62	1	13			77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HUU HOANG ANH	P6	66	1	8			112	KH-THAC	Vietnamese
11	HA DUY ĐÔNG	P6						92	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG TIEN DUNG	P6	58	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
13	DINH HOAI NAM	P6	48	1	10	1	17	87	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐANG THỌ TÂM	P6	67	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG THAI ANH	P6	68	1	3			78	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN VAN HIẾP	P6	64	1	4			88	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐAO NGUYEN HUNG	P6	63	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN XUAN KHANH	P6	57	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
19	LUONG TRONG DUONG	P6	46	1	7			55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P6	19	1.537	18	122	5	60	19		
TOTAL		19	1.537	18	122	5	60	19		
WEIGHT KG			1.537		122		60			

GRAND TOAL: 1.719 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/01/2025	TO: P8	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - N.CƯỜNG - N.NAM	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN VĂN QUÊ	P8	96-97	2	8	3	55	68	KH-THAC	Vietnamese
2	VU XUAN THANH	P8						69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P8	84	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC CHÂN	P8	90	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG HÒA	P8	87	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM KHÁC ĐOÀN	P8						62	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG PHUC HUNG	P8	22	1	15			70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM TU ANH	P8	86	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
9	THAI TRỌNG BÌNH	P8	79	1	15			82	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN HOANG GIANG	P8	01-02	2	22			76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRI HÙNG	P8	88	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐINH ĐỨC TRUNG	P8	85	1	12			93	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VINH DŨNG	P8	83	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
14	DƯƠNG TRI NAM	P8	95	1	4			85	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯƠNG VĂN TÙNG	P8						61	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ QUANG THẮNG	P8	89	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
17	THAI QUÂN	P8	98-99,200	3	20			64	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN KHIÊM HIỆU	P8	82	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐO VĂN TÚI	P8	77-78	2	19			63	XAYLAP	Vietnamese
20	BUI ANH TUÂN	P8	93-94	2	13			66	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN BA THANH	P8	91-92	2	22			71	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN XUAN THẮNG	P8	80-81	2	23			54	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P8	22	1.545	27	215	3	55	22		
TOTAL		22	1.545	27	215	3	55	22		
WEIGHT KG			1.545		215		55			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

Công bay tới thành công

DATE: 02/01/2025	TO: TTC2 - P8	AIRCRAFT: 410				ETD: 09:50				
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: CHIẾN - MTHAO - HIẾU				ETA: 11:40				
XANH-2										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI VAN TUAN	TTC2				1	5	58	KH-THAC	Vietnamese
2	LE PHUONG	TTC2	06	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
3	HA VAN DUC	P8	99,300	2	15			66	XAYLAP	Vietnamese
4	KIEU HAI DUONG	P8	96-97	2	16			64	XAYLAP	Vietnamese
5	LE DINH DO	P8	03	1	10	1	16	80	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN MINH TAI	P8	10	1	15	1	10	70	XAYLAP	Vietnamese
7	VU VAN QUYEN	P8	98	1	12			61	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM TIEN SY	P8	07	1	16			79	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAM TUAN ANH	P8	20	1	12	1	16	46	XAYLAP	Vietnamese
10	LE THE GIAP	P8	19	1	15			68	XAYLAP	Vietnamese
11	BIEN VAN LUONG	P8	94	1	6	1	20	76	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN MANH HOANG	P8	16-17	2	20			80	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAM VAN CHINH	P8	93	1	16			76	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN VIET PHONG LUU	P8	01	1	13	1	15	86	XAYLAP	Vietnamese
15	VU DINH BAY	P8	05-06	2	15			74	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN KHA	P8	08	1	8	1	16	68	XAYLAP	Vietnamese
17	VU DUC TUNG	P8	12	1	4			75	YTE	Vietnamese
18	NGUYEN THANH BINH	P8	13	1	3			73	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN THANH TUNG	P8	18	1	6			78	PSV	Vietnamese
20	DO DAI DUONG	P8	14	1	5			58	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VAN HOAI	P8	15	1	7			53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TTC2	2	115	1	5	1	5	0 12		CHUYEN 3 PAX TTC2-P8
2	P8	19	1.331	23	214	6	93	22		
TOTAL		21	1.446	24	219	7	98	22		
WEIGHT KG			1.446		219		98			

GRAND TOAL: 1.763 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

Công bay tới thành công

DATE: 02/01/2025		TO: P9 - P5 - TD1			AIRCRAFT: 416			ETD: 10:00		
FLIGHT: 8		FROM: VT			CREW: ĐỨC - HỨC - HTNAM			ETA: 11:50		
TIM-2										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAN TRỌNG THẮNG	P9	32	1	15			73	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ NGỌC CƯỜNG	P9	31	1	12			71	XAYLAP	Vietnamese
3	PHÙNG THỂ TÀI	P9	37-38	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
4	HÀ TUẤN DŨNG	P9	29-30	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐINH VĂN DƯƠNG	P9	28	1	18			62	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAN ĐĂNG HUÂN	P9	39-40	2	19			79	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC TUYẾN	P9	33-34	2	18			75	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ HUY	P9	31	1	7			66	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐOÀN NGUYỄN MINH TRƯỞNG	P9	30	1	11			77	XAYLAP	Vietnamese
10	HOÀNG XUÂN HUY	P9	35-36	2	19			58	XAYLAP	Vietnamese
11	VU HỮU CHÍNH	TD1	25	1	3			58	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUYẾT QUYNH	TD1	28-29	2	19			64	BAKER HU	Vietnamese
13	ĐẶNG VĂN HIỆN	TD1	26-27	2	15			94	CODIEN	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN PHƯƠNG	TD1	31	1	4	2	40	67	PSV	Vietnamese
15	ĐẠO HỮU HAI	TD1	30	1	8			60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P9	10	698	15	157	0	0	0		
2	P5	0	0	0	0	0	0	3 + 2		CHUYEN 2 PAX P5-TD1
3	TD1	5	343	7	49	2	40	19		
TOTAL		15	1.041	22	206	2	40	22		
WEIGHT KG			1.041		206		40			

GRAND TOAL: 1.287 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/01/2025	TO: BK8 - BK4 - P6	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: CHIẾN - HTRUNG - TÚ	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGÔ KIM NGHIỆP	BK8	57-58	2	25			81	CODIEN	Vietnamese
2	DOÀN VIỆT ĐỒNG	BK8	56	1	18			76	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN THƯA THAI	BK8	54-55	2	14			65	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỊ PHƯỚC	BK8	59	1	10			71	CODIEN	Vietnamese
5	DOAN NGOC THUONG	BK8	53	1	16			82	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ QUỐC VƯƠNG	BK4	79-80	2	14	1	18	73	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM MINH VŨ	BK4	74-75	2	15			75	XAYLAP	Vietnamese
8	DƯƠNG ĐĂNG CƯỜNG	BK4	76-77	2	19			74	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG TRUNG	BK4	78	1	14			67	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ CÔNG CHÍNH	BK4	72-73	2	18			74	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐÀO KIM SÂM	P6	52	1	5	2	9	61	KH-THAC	Vietnamese
12	DƯƠNG VĂN CƯỜNG	P6	65	1	8	1	10	77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH CHUNG	P6	64	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ QUANG HUY	P6	55	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THIN	P6	27	1	13			69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG THANH	P6	29	1	5			71	PSV	Vietnamese
17	DƯƠNG VĂN TUÂN	P6	54	1	6			62	PSV	Vietnamese
18	ĐẶNG XUÂN ĐƯƠNG	P6	26	1	4			71	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG HUY	P6	28	1	7			85	PSV	Vietnamese
20	HA XUAN THANH	P6	18	1	7			110	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK8	5	375	7	83	0	0	0		
2	BK4	5	363	9	80	1	18	12		
3	P6	10	746	10	64	3	19	10		
TOTAL		20	1.484	26	227	4	37	22		
WEIGHT KG			1.484		227		37			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN